CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai

Ngày 30/09/2025	9,600 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	33.3%	**60.0%**	**43.3%**

DT thuần
Q3/25
623
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 57.0| 10.1%
YoY: ▲ 332| 114%

LN thuần
Q3/25
8.04
tỷ VNĐ
QoQ: ▼6.46| -44.6%
YoY: ▲ 5.68| 241%

LN sau thuế
Q3/25
7.24
tỷ VNĐ
QoQ: ▼6.06| -45.6%
YoY: ▲ 7.55| 2434%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
4.1%
YoY: +/-▼ 0.6%

ROE (TTM)
Q3/25
1.8%
YoY: +/-▲ 0.7%

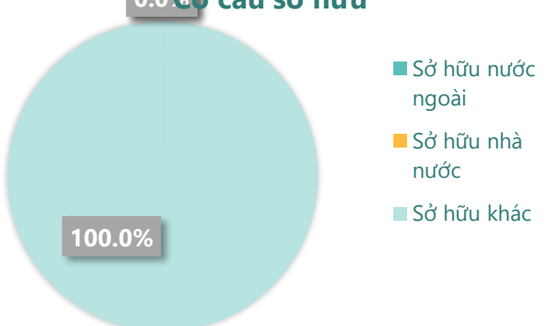
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	5,700 - 10,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	685
Số lượng CPLH (CP)	71,403,929
KLGD BQ 20 phiên (CP)	284,152
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	1.05
EPS	227
P/E	42.4

DT thuần
9T 2025
1,453
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 182| 14.3%

LN thuần
9T 2025
15.8
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 9.89| 167%

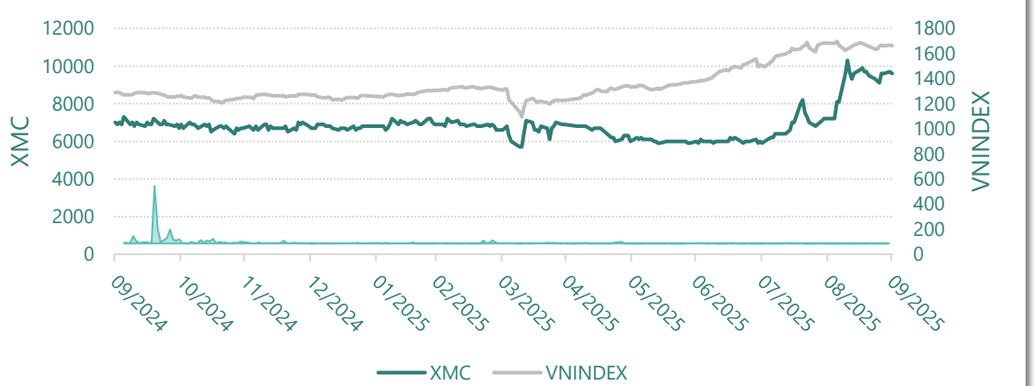
LN sau thuế
9T 2025
12.4
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 10.0| 419%

Cơ cấu sở hữu

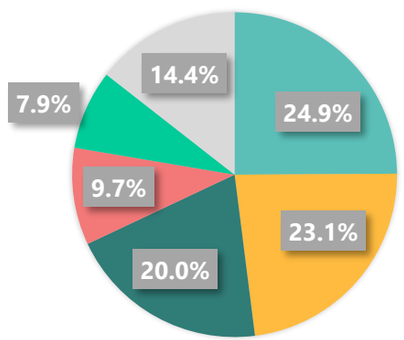


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

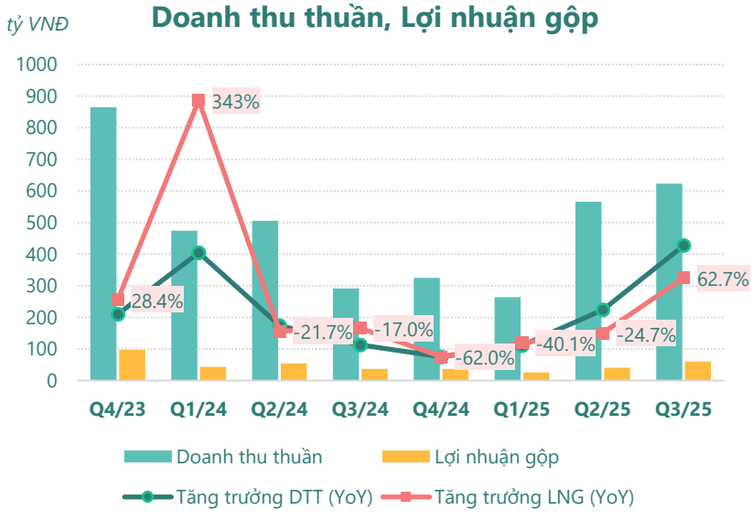


- Nguyễn Minh Trang
- Đinh Thị Thanh Hà (Thành viên HĐQT)
- Bùi Khắc Sơn (Chủ tịch HĐQT)
- Nguyễn Phương Lan
- Nguyễn Thị Thu Huyền
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

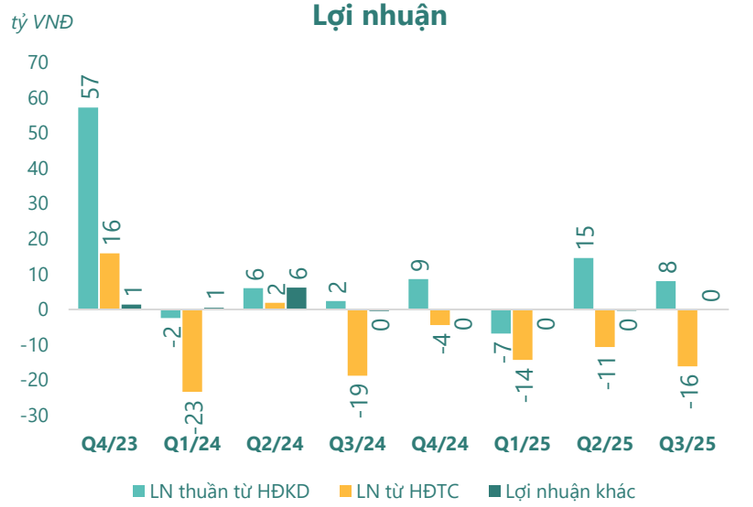
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



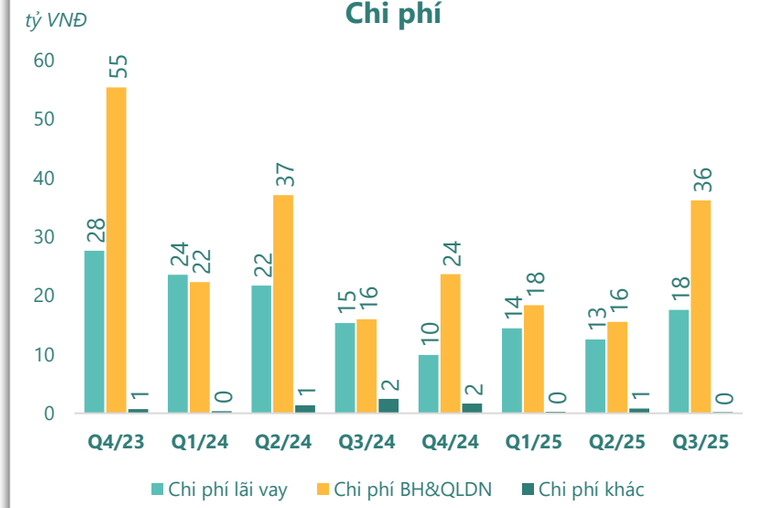
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



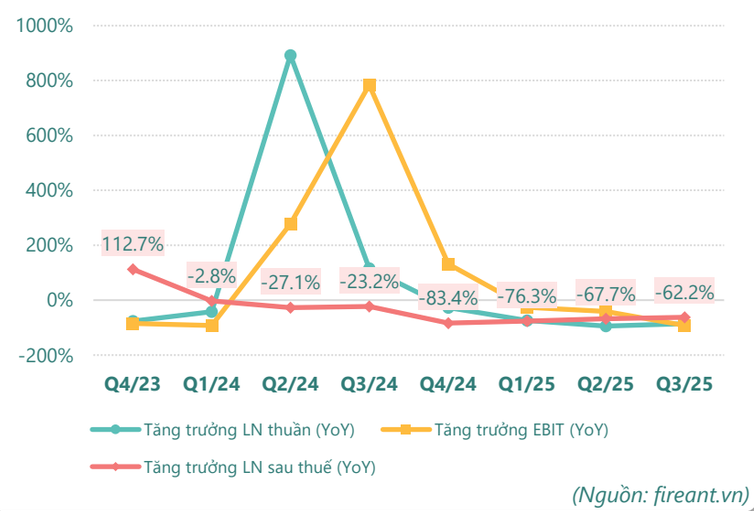
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



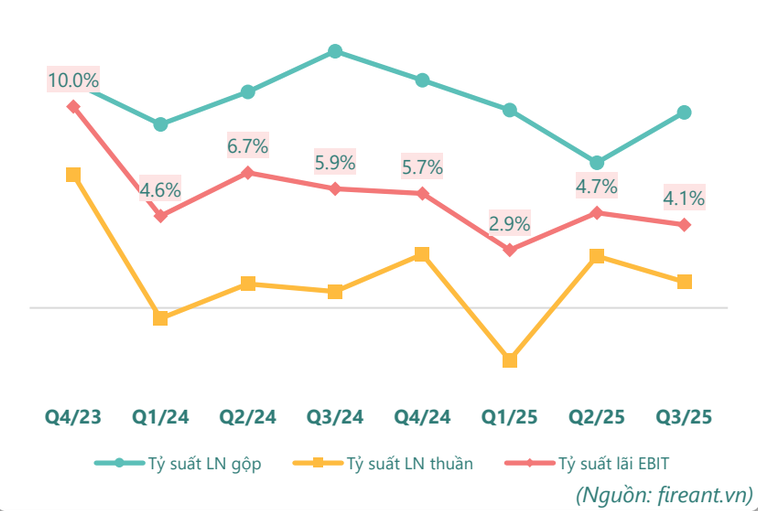
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



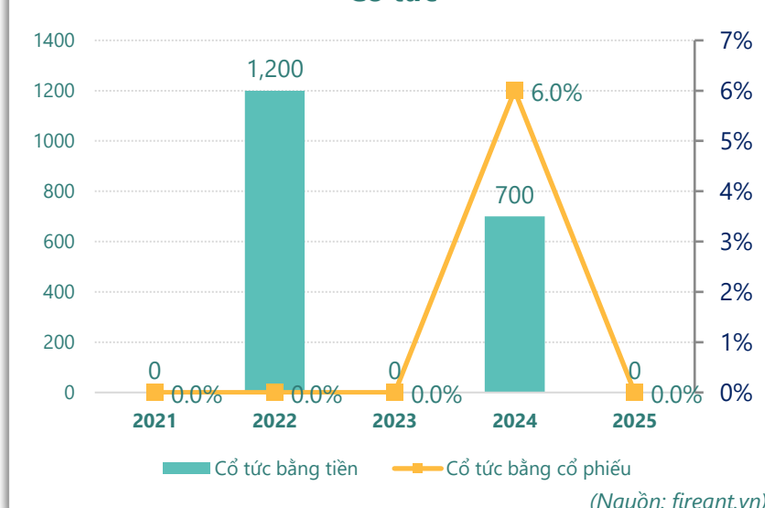
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

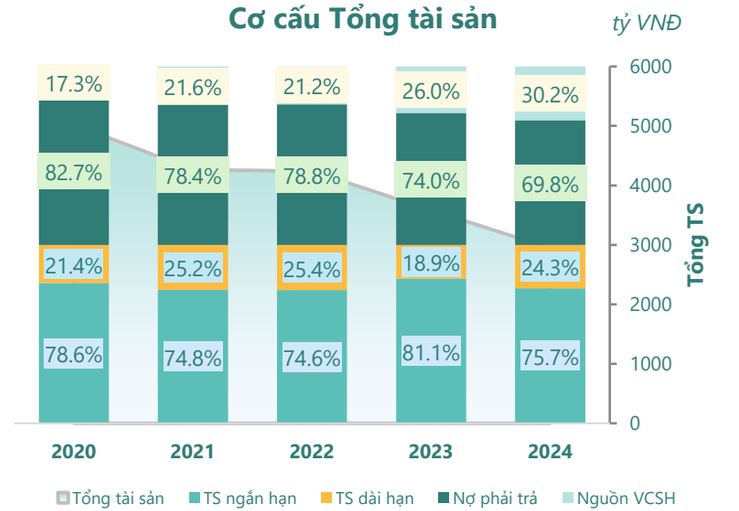
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

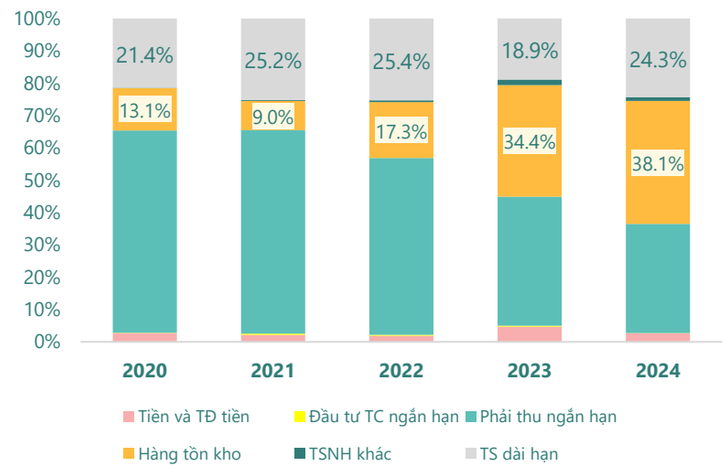
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



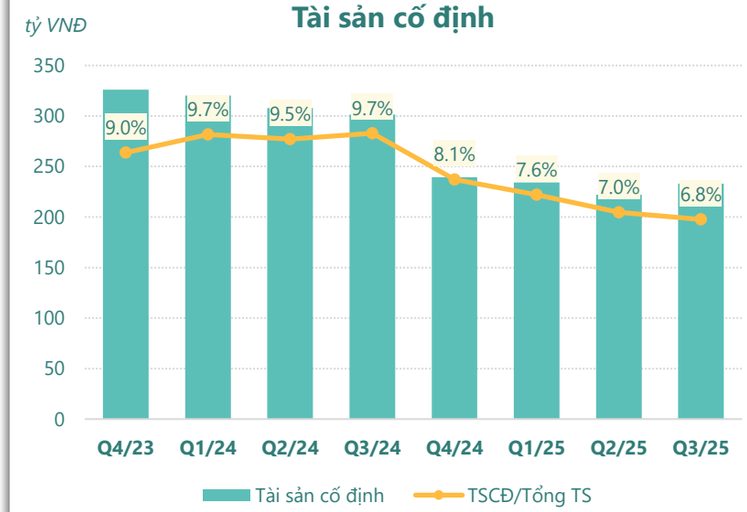
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



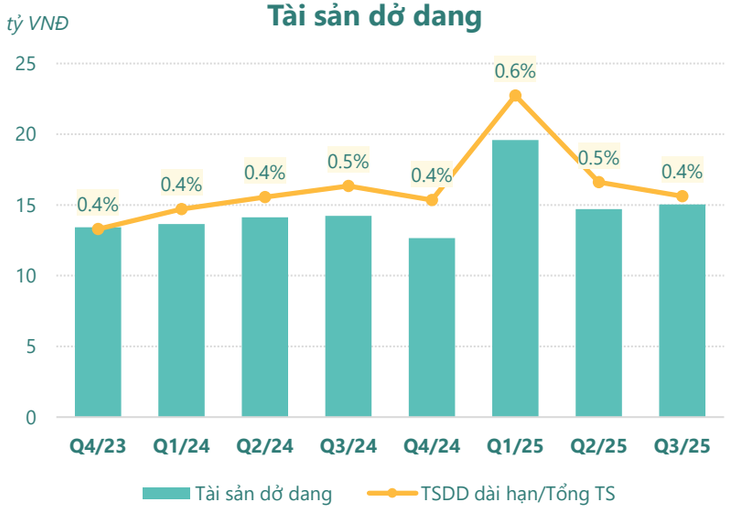
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



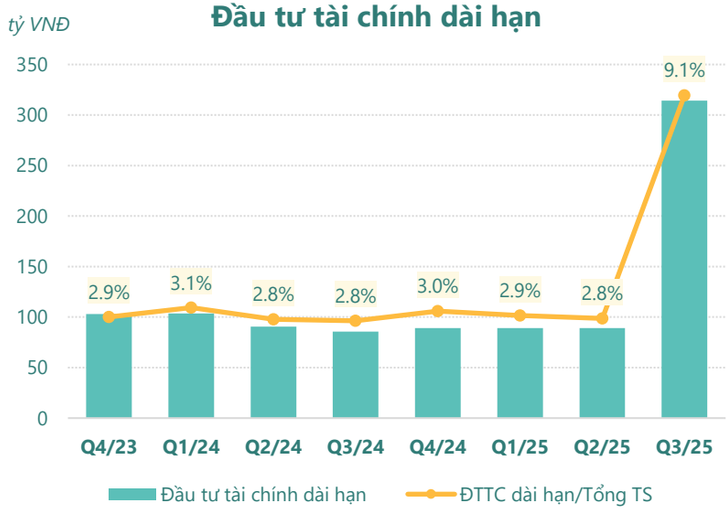
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



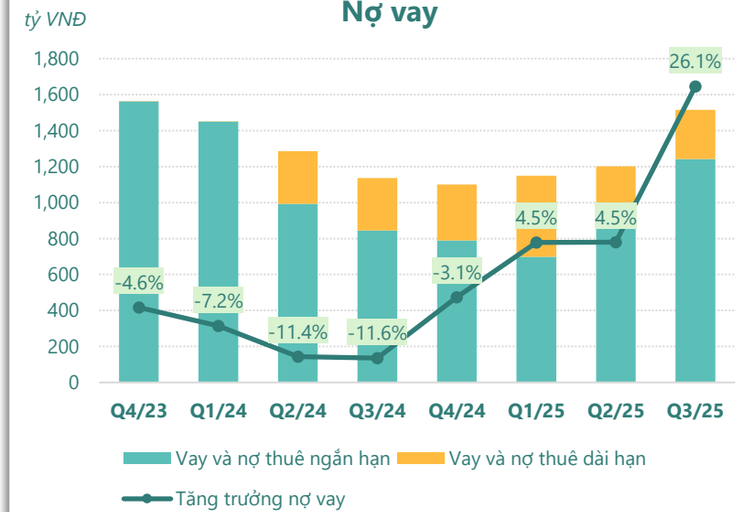
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

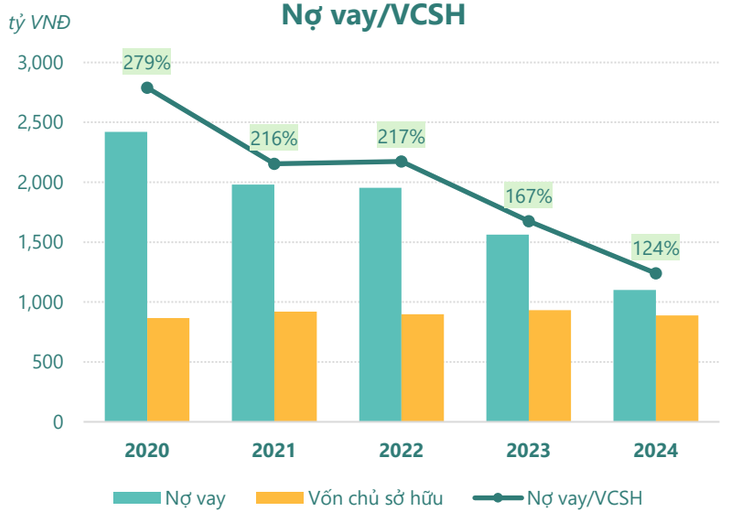
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

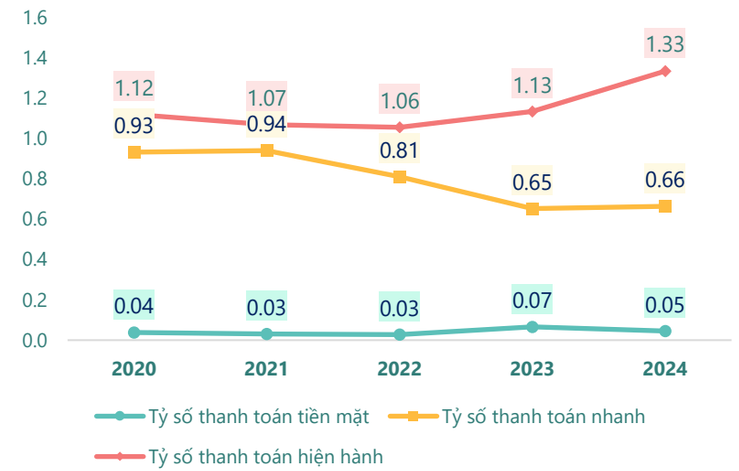
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



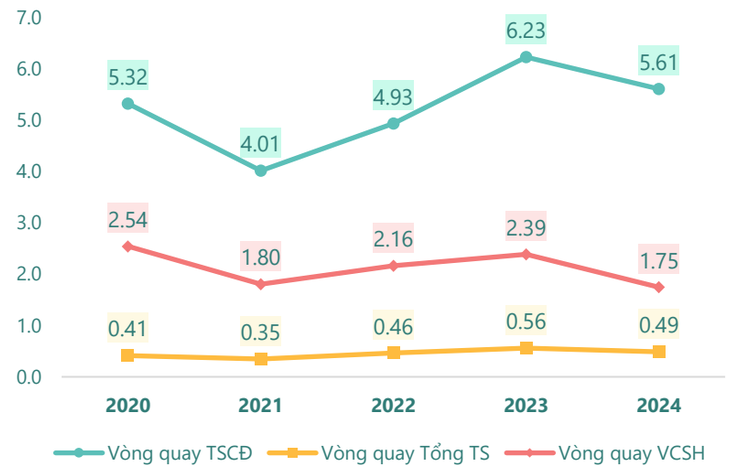
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



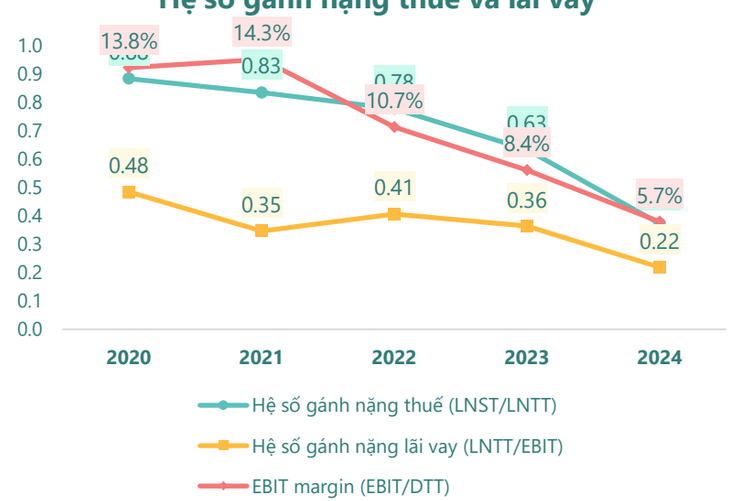
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



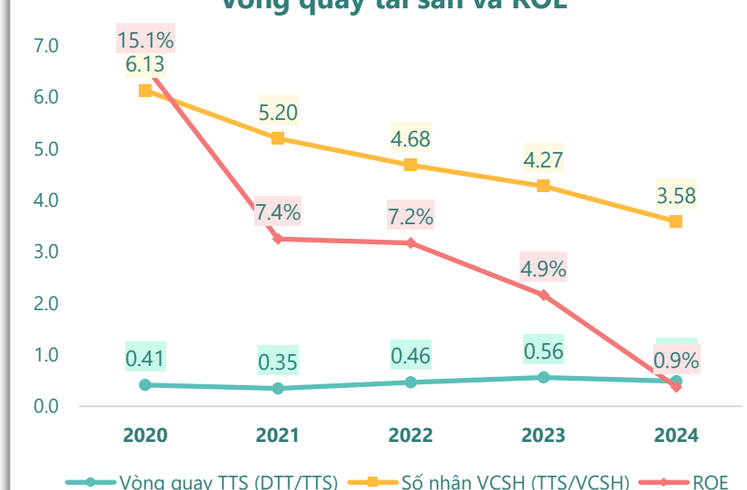
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



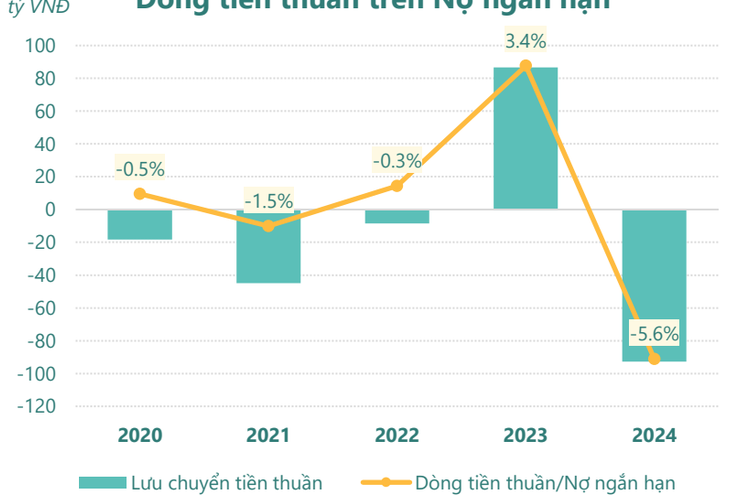
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**623**	**291**	**114%**	**1,453**	**1,271**	**14.3%**
Giá vốn hàng bán	563	254	121%	1,326	1,137	16.6%
Lợi nhuận gộp	60.4	37.1	62.8%	127	135	-5.6%
Doanh thu HĐTC	1.53	0.23	565%	6.58	24.3	-72.9%
Chi phí TC	17.6	19.0	-7.2%	47.7	64.4	-26.0%
Chi phí lãi vay	17.6	15.3	15.0%	44.6	60.7	-26.4%
LN trong công ty LKLD	**-0.05**	**0.00**		**-0.05**	**-13.0**	**99.6%**
Chi phí bán hàng	0.69	0.71	-3.1%	2.04	1.99	2.5%
Chi phí QLDN	**35.5**	**15.3**	**132%**	**68.1**	**73.4**	**-7.3%**
LN thuần từ HĐKD	8.04	2.36	241%	15.8	5.91	167%
Lợi nhuận khác	**0.08**	**-0.48**	**116%**	**-0.35**	**6.22**	**-106%**
LN trước thuế	8.12	1.88	332%	15.4	12.1	27.0%
Lợi nhuận sau thuế	**7.24**	**-0.31**	**2434%**	**12.4**	**2.38**	**419%**
LNST của CĐ cty mẹ	**6.62**	**0.34**	**1846%**	**11.2**	**3.32**	**238%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	305	-14.7	44.6	-34.1	-29.1	-23.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	29.8	-2.72	6.27	-9.18	-9.85	-228
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-168	-151	-35.7	29.7	47.4	307
Tiền đầu kỳ	56.4	223	55.1	76.3	62.8	71.3
Lưu chuyển tiền thuần	**167**	**-168**	**15.1**	**-13.5**	**8.47**	**56.0**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	-0.01	0	0.03	0
Tiền cuối kỳ	223	55.1	70.3	62.8	71.3	127

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**3,440**	**2,944**	**16.9%**
Tài sản ngắn hạn	2,166	2,229	-2.8%
Tiền và tương đương tiền	127	76.3	66.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	8.54	4.04	111%
Phải thu ngắn hạn	1,084	993	9.1%
Hàng tồn kho	913	1,120	-18.5%
Tài sản ngắn hạn khác	33.4	35.1	-4.8%
Tài sản dài hạn	**1,274**	**715**	**78.3%**
Phải thu dài hạn	166	116	43.2%
Tài sản cố định	233	239	-2.3%
Bất động sản đầu tư	527	243	117%
Tài sản dở dang	15.0	12.7	18.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	314	89.2	252%
Tài sản dài hạn khác	**19.7**	**15.9**	**23.8%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,543	2,056	23.7%
Nợ ngắn hạn	**2,199**	**1,671**	**31.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,241	789	57.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	451	416	8.3%
Nợ dài hạn	344	385	-10.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	274	311	-12.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**897**	**888**	**1.1%**
Vốn chủ sở hữu	**897**	**888**	**1.1%**
Vốn điều lệ	714	714	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)